「전자거래법」

[법률 제51/2005/QH11호, 2005.11.29., 제정]

□ 개 요

베트남 「전자거래법」 제51/2005/QH11호는 2005년 11월 29일 제정되어 2006년 3월 1일부로 시행되었으며, 민사, 상업, 사업 및 그 외 법률 규정에 관한 베트남 국가기관의 전자거래 활동 전반에 대하여 규정하고 있다. 이 법은 전자적 매체를 선택하여 거래하는 개인, 기관 및 단체의 해당 거래 시에 적용되며, 전자거래의 기본 원칙, 데이터 메시지, 전자서명, 전자계약, 국가기관의 전자거래, 전자거래의 보안 등에 관하여 규정하고 있다.

□ 목 차

원문	번역문
Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Điều 2. Đối tượng áp dụng Điều 3. Áp dụng Luật giao dịch điện tử Điều 4. Giải thích từ ngữ Điều 5. Nguyên tắc chung tiến hành giao dịch điện tử	제1장 총칙 제1조 적용 범위 제2조 적용대상 제3조 전자거래법의 적용 제4조 용어해설 제5조 전자거래의 진행을 위한 일반원칙

Điều 6. Chính sách phát triển và ứng dụng giao dịch điện tử	제6조 전자거래의 발전 및 지원 정책
Điều 7. Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử	제7조 전자거래의 활동에 관한 국가의 관리
Điều 8. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử	제8조 전자거래 활동에 관한 국가의 관리책임
Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm trong giao dịch điện tử	제9조 전자거래에서 금지되는 행위
Chương II THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU	**제2장** **데이터 메시지**
Mục 1 GIÁ TRỊ PHÁP LÝ CỦA THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU	**제1절** **데이터 메시지의 법적 효력**
Điều 10. Hình thức thể hiện thông điệp dữ liệu	제10조 데이터 메시지의 표현 형식
Điều 11. Giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu	제11조 데이터 메시지의 법적 효력
Điều 12. Thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản	제12조 문서의 효력을 지니는 데이터 메시지
Điều 13. Thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc	제13조 원본의 효력을 지니는 데이터 메시지
Điều 14. Thông điệp dữ liệu có giá trị làm chứng cứ	제14조 데이터 메시지가 증거로서 효력을 지니는 경우
Điều 15. Lưu trữ thông điệp dữ liệu	제15조 데이터 메시지의 저장
Mục 2 GỬI, NHẬN THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU	**제2절** **데이터 메시지의 발신, 수신**
Điều 16. Người khởi tạo thông điệp dữ liệu	제16조 데이터 메시지의 작성자
Điều 17. Thời điểm, địa điểm gửi	제17조 데이터 메시지의 발신 시

thông điệp dữ liệu	점 및 발신 장소
Điều 18. Nhận thông điệp dữ liệu	제18조 데이터 메시지의 수신
Điều 19. Thời điểm, địa điểm nhận thông điệp dữ liệu	제19조 데이터 메시지의 수신 시점 및 수신 장소
Điều 20. Gửi, nhận tự động thông điệp dữ liệu	제20조 데이터 메시지의 자동 발신 및 수신
Chương III **CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ VÀ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ**	**제3장** **전자서명과 전자서명 인증**
Mục 1 **GIÁ TRỊ PHÁP LÝ CỦA CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ**	**제1절** **전자서명의 법적 효력**
Điều 21. Chữ ký điện tử	제21조 전자서명
Điều 22. Điều kiện để bảo đảm an toàn cho chữ ký điện tử	제22조 전자서명의 안전성 보증 요건
Điều 23. Nguyên tắc sử dụng chữ ký điện tử	제23조 전자서명의 사용 원칙
Điều 24. Giá trị pháp lý của chữ ký điện tử	제24조 전자서명의 법적 효력
Điều 25. Nghĩa vụ của người ký chữ ký điện tử	제25조 전자서명 서명자의 의무
Điều 26. Nghĩa vụ của bên chấp nhận chữ ký điện tử	제26조 전자서명을 수신하는 측의 의무
Điều 27. Thừa nhận chữ ký điện tử và chứng thư điện tử nước ngoài	제27조 외국전자서명과 전자인증의 인정
Mục 2 **DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ**	**제2절** **전자서명인증서비스**
Điều 28. Hoạt động dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử	제28조 전자서명인증서비스 활동
Điều 29. Nội dung của chứng thư	제29조 전자인증의 내용

điện tử	
Điều 30. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử	제30조 전자서명인증서비스 제공업체
Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử	제31조 전자서명인증서비스 제공업체의 권리와 의무
Mục 3 QUẢN LÝ DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ	제3절 전자서명인증서비스 관리
Điều 32. Các điều kiện để được cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử	제32조 전자서명인증서비스를 제공하기 위한 요건
Chương IV GIAO KẾT VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ	제4장 전자계약의 체결 및 이행
Điều 33. Hợp đồng điện tử	제33조 전자계약
Điều 34. Thừa nhận giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử	제34조 전자계약의 법적 효력
Điều 35. Nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử	제35조 전자계약 체결 및 이행 원칙
Điều 36. Giao kết hợp đồng điện tử	제36조 전자계약의 체결
Điều 37. Việc nhận, gửi, thời điểm, địa điểm nhận, gửi thông điệp dữ liệu trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử	제37조 전자계약의 체결 및 이행 시 데이터 메시지의 수신, 발신, 수신 및 발신 시점과 장소
Điều 38. Giá trị pháp lý của thông báo trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử	제38조 전자계약의 체결 및 이행 시 통보의 법적 효력
Chương V GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ CỦA CƠ	제5장 국가기관의 전자거래

QUAN NHÀ NƯỚC	
Điều 39. Các loại hình giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước	제39조 국가기관의 전자거래 유형
Điều 40. Nguyên tắc tiến hành giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước	제40조 국가기관의 전자거래 진행 원칙
Điều 41. Bảo đảm an toàn, bảo mật và lưu trữ thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước	제41조 국가기관 내 전자정보의 저장, 비밀유지 및 안전 보증
Điều 42. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong trường hợp hệ thống thông tin điện tử bị lỗi	제42조 전자정보체계에 오류가 발생하는 경우 국가기관의 책임
Điều 43. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong giao dịch điện tử với cơ quan nhà nước	제43조 국가기관과의 전자거래 시 개인, 기관 및 단체의 책임
Chương VI AN NINH, AN TOÀN, BẢO VỆ, BẢO MẬT TRONG GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ	**제6장** **전자거래의 보안, 안전, 보호, 비밀유지**
Điều 44. Bảo đảm an ninh, an toàn trong giao dịch điện tử	제44조 전자거래의 보안, 안전 보증
Điều 45. Bảo vệ thông điệp dữ liệu	제45조 데이터 메시지의 보호
Điều 46. Bảo mật thông tin trong giao dịch điện tử	제46조 전자거래 정보의 비밀유지
Điều 47. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ mạng	제47조 네트워크 서비스 제공업체의 책임
Điều 48. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	제48조 관할 국가기관의 요구가 있을 때 개인, 기관 및 단체의 책임
Điều 49. Quyền và trách nhiệm	제49조 관할 국가기관의 권리 및

của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	책임
Chương VII GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	제7장 분쟁의 해결과 위반의 처리
Điều 50. Xử lý vi phạm pháp luật về giao dịch điện tử	제50조 전자거래에 관한 법률 위반의 처리
Điều 51. Tranh chấp trong giao dịch điện tử	제51조 전자거래 시 분쟁
Điều 52. Giải quyết tranh chấp trong giao dịch điện tử	제52조 전자거래 시 분쟁 해결
Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	제8장 시행 조항
Điều 53. Hiệu lực thi hành	제53조 시행 효력
Điều 54. Hướng dẫn thi hành	제54조 시행 안내